

Số: 155/KH-THTVO

Bình Tân, ngày 01 tháng 9 năm 2020

KẾ HOẠCH
Thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường
Năm học 2020-2021

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường Tiểu học Trần Văn ƠN xây dựng kế hoạch thực hiện quy định về công khai trong hoạt động của đơn vị như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu, chi tài chính để phụ huynh học sinh và xã hội tham gia giám sát và đánh giá Trường theo qui định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của Nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. NỘI DUNG CÔNG KHAI:

Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân:

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế;
2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục;
3. Công khai thu, chi tài chính.

III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Bà Phạm Thị Hòa – Hiệu trưởng - chịu trách nhiệm chung, xây dựng kế hoạch, báo cáo phòng GD&ĐT, phòng TC-KH quận, công khai đến toàn thể CB, GV, NV, PH.

2. Bà Lê Thị Phương Thủy - Phó Hiệu trưởng - chịu trách nhiệm chuyên môn:

- Lập kế hoạch, tổ chức hội thảo, dự thảo các văn bản có liên quan.
- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:
 - + Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên về số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 8); số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

+ Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình đào tạo thực hiện, yêu cầu về thái độ học tập của người học, các hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học; mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ và theo các ngành đào tạo (theo Biểu mẫu 05).

+ Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo năng lực, phẩm chất, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh năng khiếu, hội thi giải toán trên internet, vở sạch chữ đẹp, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học, số học sinh lên lớp, có phân biệt theo các khối lớp (theo Biểu mẫu 06) và tổng hợp kết quả các lần kiểm tra định kỳ.

2. Ông Châu Thanh Phong - Phó Hiệu trưởng - chịu trách nhiệm chuyên môn và cơ sở vật chất:

- Lập kế hoạch, tổ chức hội thảo, dự thảo các văn bản có liên quan.

- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:

+ Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Biểu mẫu 7).

+ Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch duy trì và nâng mức các tiêu chuẩn và tiến tới trường đạt chuẩn quốc gia mức 2 và kết quả đạt được.

+ Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Bà Nguyễn Hoàng Ngọc - Kế toán - chịu trách nhiệm:

- Thực hiện công khai về tài chính:

+ Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Tình hình tài chính của nhà trường: Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách. Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính. Các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị. Kết

quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 91/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

- Công khai mức thu chi, vệ sinh phí, điện, nước...

4. Ông Nguyễn Thành Hưng – Thủ quỹ - chịu trách nhiệm:

Thực hiện công khai:

- Công khai danh sách, số lượng học sinh được hưởng chính sách miễn giảm học phí, học bổng, trợ cấp hàng năm.

- Mức thu các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho cả cấp học (Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn).

- Chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

5. Ông Nguyễn Văn Khánh – Văn thư:

Công khai các danh mục các văn bản có liên quan.

6. Ông Nguyễn Quang Vũ - Tổng Phụ trách đội:

- Công khai các nguồn thu-chi phát động các công trình và quyên góp hàng năm.

- Công khai các tài sản, tiền học sinh nhận được; công khai việc chi trả lại cho người mất.

IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI:

1. Hình thức công khai:

1.1. Đối với các nội dung quy định tại Điều 5 của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân:

- Công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường tại địa chỉ <http://thttrnvanon.hcm.edu.vn> vào tháng 6 hằng năm.(riêng năm 2020 do tình hình dịch bệnh nên công khai vào tháng 8/2020)

- Niêm yết công khai tại bảng thông báo, văn phòng nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường xem xét.

- Để chuẩn bị cho năm học mới, nhà trường có thể cung cấp thêm các thông tin liên quan khác để cha mẹ học sinh nắm rõ và phối hợp thực hiện.

- Báo cáo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

1.2. Đối với nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân, nhà trường thực hiện công khai như sau:

- Đối với học sinh tuyển mới: Thông báo trên Website của nhà trường và các phương tiện thông tin đại chúng trước khi thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học: phát tài liệu cho cha mẹ học sinh trước khi tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới. Thông tin về chất lượng giáo dục định kỳ của học sinh qua các buổi họp cha mẹ học sinh, sổ liên lạc và các hình thức khác.

Ngoài ra, nhà trường còn cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

2. Thời điểm công khai:

Thời điểm công khai là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học (tháng 9) và sau các kì kiểm tra định kỳ. Thời gian thực hiện niêm yết ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Hiệu trưởng:

Xây dựng kế hoạch thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân. Tổ chức tự kiểm tra đánh giá đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

2. Phó Hiệu trưởng và các bộ phận, cá nhân có liên quan:

Tổ chức thực hiện đúng theo nhiệm vụ được phân công.

Trên đây là kế hoạch thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm học 2020-2021 của Trường Tiểu học Trần Văn Ôn./.

Nơi nhận:

- Chi bộ;
- Ban Giám hiệu;
- Các tổ trưởng;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Hòa

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường tiểu học, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh.	Trẻ đủ 6 tuổi có hộ khẩu thường trú, tạm trú KT1, 2, 3, 4 tại các Khu phố 1, 2 phường BHHB với số lượng là 492 em.	Tất cả học sinh được lên lớp 2 là 504 em.	Tất cả học sinh được lên lớp 3 là 640 em.	Tất cả học sinh được lên lớp 4 là 492 em.	Tất cả học sinh được lên lớp 5 là 326 em.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo TT32/2018/TT-BGD; Công văn số 3866/BGDĐT-GDTH ngày 26/8/2019 của Bộ GDĐT, công văn 3674/GDĐT-TH ngày 09/10/2019 của Sở GDĐT và công văn 2303/GDĐT-TH ngày 24/10/2019 của Phòng GDĐT Bình	- Thực hiện đúng Chương trình giáo dục phổ thông theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; Công văn 896/BGD&ĐT ngày 13/02/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 7975/BGDĐT-GDTH ngày 10/9/2009 về việc “Hướng dẫn dạy học môn Thủ công, Kỹ thuật ở Tiểu học”; Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về “Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông”. - Tổ chức giảng dạy theo mô hình trường tiểu học mới ở Việt Nam (VNEN).			

		Tân				
III	Yêu cầu về phối hợp giữ cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	- Nhà trường phối hợp với gia đình thông qua các buổi họp Cha mẹ học sinh (ít nhất 3 lần/năm học), sổ liên lạc điện tử, điện thoại, trao đổi trực tiếp giữa giáo viên và cha mẹ học sinh. - Học sinh thực hiện 5 Điều Bác Hồ dạy, nhiệm vụ của học sinh, nội qui nội quy của học sinh, của nhà trường.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập cho học sinh: giáo dục các kỹ năng tự bảo vệ, sơ cấp cứu, hội thi nghi thức Đội, thăm trẻ khuyết tật, thăm mẹ Việt Nam anh hùng, ngoài ra trường tổ chức dạy năng khiếu mỹ thuật, Võ và Múa phát triển thể lực cho học sinh. Tổ chức các buổi sinh hoạt ngoại khóa theo chủ đề, chủ điểm (mỗi tháng 1 lần).				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	- Phẩm chất: + Đạt: 492/492 HS, tỉ lệ: 100% + Chưa đạt: 0 - Năng lực: + Đạt: 492/492 HS, tỉ lệ: 100% + Chưa đạt: 0 - HS hoàn thành CT lớp học: 490/492, tỉ lệ: 99,6%. Thi lại: 2/492 - 0,4% - Khen thưởng: 322/492 HS, tỉ lệ: 65,4%	- Phẩm chất: + Đạt: 504/504 HS, tỉ lệ: 100% + Chưa đạt: 0 - Năng lực: + Đạt: 504/504 HS, tỉ lệ: 100% + Chưa đạt: 00 - HS hoàn thành CT lớp học: 504/504 HS, tỉ lệ: 100% Thi lại: 0 - Khen thưởng: 315/504 HS, tỉ lệ: 62,5%	- Phẩm chất: + Đạt: 640/640 HS, tỉ lệ: 100% + Chưa đạt: 0 - HS hoàn thành CT lớp học: 638/640 HS, tỉ lệ: 99,7% Thi lại: 2/640 - 0,3% - Khen thưởng: 393/640 HS, tỉ lệ: 61,4%	- Phẩm chất: + Đạt: 492/492 HS, tỉ lệ: 100% + Chưa đạt: 0 - HS hoàn thành CT lớp học: 491/492 HS, tỉ lệ: 99,8% Thi lại: 1/492 - 0,2% - Khen thưởng: 284/492 HS, tỉ lệ: 57,7%	- Phẩm chất: + Đạt: 326/326 HS, tỉ lệ: 100% + Chưa đạt: 0 - HS hoàn thành CTTH: 326/326H S, tỉ lệ: 100% - Khen thưởng: 165/326 HS, tỉ lệ: 50,6%
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	- Trường sẽ phối hợp với chính quyền địa phương để duy trì sĩ số học sinh theo học trong năm tại trường. - Học sinh có đủ khả năng học tiếp tục lên lớp học trên (tiếp				

	tục học ở Trung học Cơ sở).
--	-----------------------------

Bình Tân, ngày 03 tháng 9 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Thị Hòa

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRẦN VĂN ON

Biểu mẫu 07
Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28
tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	48/56	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	48	-
2	Phòng học bán kiên cố	/	-
3	Phòng học tạm	/	-
4	Phòng học nhờ, mượn	/	-
III	Số điểm trường	00	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	16.454.7 2	16.454,72/2457 =6.698
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	2688	2688/2457=1.0 94
2	Diện tích thư viện (m ²)	84	84/2457=0.034
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	168*2	336/2457=0.13 7
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	28	28/2457=0.011
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	28	28/2457=0.011
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	43	43/56 = 0,768
1.1	Khối lớp 1	14	14/12=1.16
1.2	Khối lớp 2	8	8/11=0.727

1.3	Khối lớp 3	8	$8/14=0.57$
1.4	Khối lớp 4	8	$8/11=0.727$
1.5	Khối lớp 5	5	$5/8=0.625$
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2	4	$4/11=0.36$
2.3	Khối lớp 3	6	$6/14=0.43$
2.4	Khối lớp 4	3	$3/11=0.27$
2.5	Khối lớp 5	3	$3/8=0.375$
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	80	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	41	
2	Cát xét	9	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	07 (06 projector +01 vật thể)	
5	Thiết bị khác...		

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	137.2
XI	Nhà ăn	336

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	00 m ²	00	00 hs/chỗ
XIII	Khu nội trú	00	00	00

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ

1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4/4		8/8		$784/2457=0.323$
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 41/2010/QĐ-BGĐT ngày 31/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Bình Tân, ngày 03 tháng 9 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Thị Hòa

UBND QUẬN BÌNH TÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TRẦN VĂN ƠN

Biểu mẫu 08

Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường tiểu học, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	87		03	70	9	2	03	35	16	33	26	47	01	
I	Giáo viên	77		01	67	8	1		32	15	30	26	47		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:								24	12	26				
1	Tiếng dân tộc	02													
2	Ngoại ngữ	04			04				01	01	02	03			
3	Tin học	03			01	01	02		01	01	01		03		
4	Âm nhạc	02			02				01		01	02			
5	Mĩ thuật	03			02	01			02	01		02			
6	Thể dục	03			03				03				02		
II	Cán bộ quản lý	03		02	01						03				
1	Hiệu trưởng	01		01							01				
2	Phó hiệu trưởng	02		01	01						02				

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
III	Nhân viên	07			02	01	01	03	03	01					
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	01			01				01						
3	Thủ quỹ	01			01				01						
4	Nhân viên y tế	01					01		01						
5	Nhân viên thư viện	01				01				01					
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên bảo vệ	03						03							
10	Nhân viên phục vụ														

Bình Tân, ngày 03 tháng 9 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)



Phạm Thị Hòa